

Bản án số: **109/2018/HS-PT**

Ngày: 28-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Tùng

Ông Đinh Quang Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2018/TLPT-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Đặng Trường G, do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2018/HS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X4.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Đặng Trường G, tên gọi khác: H1; sinh ngày 21/01/1985 tại Đồng Nai; nơi đăng ký NKTT: X1, khu phố X2, phường X3, thành phố X4, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Như trên; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; chung sống với chị Linh Thị Bé T2, sinh năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn, có 01 con sinh năm 2016;

Tiền án: Ngày 04/12/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố X4 xử phạt 06 tháng 07 ngày tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/01/2016, bị cáo có hành vi gây thương tích cho anh Lê Hoàng D với tỷ lệ thương tật 56% (đang xem xét xử lý);

Bị cáo bị bắt theo truy nã vào ngày 06/6/2016 đến ngày 04/10/2016 được trả tự do, bị bắt tạm giam lại vào ngày 01/9/2017 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố X4. (có mặt)

- *Người giám hộ cho bị cáo:* Ông Đặng Văn N (cha ruột của bị cáo) sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột của bị cáo) sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Số X1, khu phố X2, phường X3, thành phố X4, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Vũ Mạnh H2 – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV M – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Hồ Đức A, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số X5, khu phố X6, phường X7, thành phố X4, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hồ Đức A: Ông Trương T3, sinh năm 1953;

Nơi cư trú: Số X8, tổ X9, phường X10, thành phố X4, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 10/5/2015, Hà Xuân Q điều khiển xe mô tô chở Đặng Trường G đi uống cà phê. Khi đi đến khu nhà trọ số X11, tổ X12, khu phố X6, phường X7, thành phố X4, tỉnh Đồng Nai, G nói Q dừng xe chờ ngoài đường, còn G xuống xe đi bộ vào khu nhà trọ tìm chị Nguyễn Thị H3 (bạn gái của G) nhưng không gặp nên quay ra. G đi ra đến quán cà phê ở đầu khu nhà trọ gặp anh Hồ Đức A, G ngồi nói chuyện với anh A. Lúc này, thấy anh Nguyễn Thế T4 (em chị H3) đi đến, G chạy lại chỗ anh T4 và lấy 01 con dao dài khoảng 20cm, lưỡi dao bằng sắt dài khoảng 12cm, rộng khoảng 02cm, mũi nhọn, cán màu đen. G cầm dao dí vào cổ anh T4 và hỏi chị H3 đâu, anh T4 trả lời không biết thì bị G dùng tay trái tát vào mặt T4 03 cái nhưng không gây thương tích. Lúc này G thấy anh Đức A nhìn G, nghĩ rằng anh Đức A có thái độ không tốt nên G chạy lại dùng dao đâm một nhát trúng ngực trái anh A gây thương tích. Sau đó, G cầm theo dao lên xe Q chở bỏ đi. Hồ Đức A được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa Đồng Nai cấp cứu và sau đó chuyển tiếp đến Bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh điều trị thương tích.

Theo Kết luận của cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố X4, ngoài hành vi phạm tội nêu trên, sau khi gây thương tích cho anh Hồ Đức A, Đặng Trường G tiếp tục có vi hành vi đập xe mô tô của chị H3 gây hư hỏng trị giá 5.190.000 đồng. Vào khoảng 21 giờ ngày 10/01/2016, Đặng Trường G có hành vi đâm anh Lê Hoàng D với tỷ lệ thương tật là 56%. Hiện Cơ quan Cảnh sát Điều tra thành phố X4 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0417/GĐPY/2015 ngày 19/6/2015 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai đã xác định anh Hồ Đức A bị thương tích ngực trái do vật sắc nhọn.

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương ngực trái thấu ngực trần khí, tràn máu màn phổi trái phải phẫu thuật nội soi lấy máu đông, hiện không để lại di chứng. Tỷ lệ: 10%.

- Vết thương mặt trước vai trái để lại sẹo kích thước 1,5 x 0,1cm, bao gồm sẹo mổ thám sát và sẹo mổ nội soi kích thước 08 x 0,1cm, 1,5 x 0,5cm, 01 x 0,1cm và 02 x 01cm. Tỷ lệ: 02%. Áp dụng phương pháp cộng lùi. Tỷ lệ thương tật là 12%.

- Vật chứng vụ án: Đối với con dao G sử dụng đâm Hồ Đức A, sau khi gây án G đã vứt bỏ, Cơ quan Công an đã truy tìm nhưng không tìm được.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 496/KL-VPYTW ngày 05/12/2016 của Viện Pháp y Tâm thần Trung ương X4 đã kết luận Đặng Trường G bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8-ICD.10). Về pháp luật: Tại thời điểm gây án và hiện nay, G bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Người bị hại Hồ Đức A yêu cầu Đặng Trường G bồi thường thiệt hại với số tiền 87.528.660đ. G đã bồi thường cho anh A được 30.000.000đ.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2018/HS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X4 đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Trường G phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Áp dụng điểm a, m khoản 1, khoản 2 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, q, s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Đặng Trường G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2017 nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 06/6/2016 đến ngày 04/10/2016.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 604, Điều 606; Điều 609; khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Buộc bị cáo Đặng Trường G và người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị T1 phải tiếp tục bồi thường cho anh Hồ Đức A số tiền 44.028.660đ (*Bốn mươi bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 09 tháng 02 năm 2018, người bị hại Hồ Đức A kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố X4 trong quá trình điều tra có một số vi phạm về tố tụng; Việc bị cáo G đâm bị hại là có âm mưu từ trước, và có chủ định giết người nên đã thủ sẵn con dao chứ không phải lấy con dao trên bàn như Kết luận điều tra và Cáo trạng đã nêu, do đó bị hại yêu cầu 3 nội dung đó là:

1. Thay đổi tội danh đối với bị cáo từ tội “cố ý gây thương tích” sang tội “giết người chưa đạt” theo quy định tại Điều 18, Điều 52, Điều 93 Bộ luật hình sự;

2. Yêu cầu đối chất nhằm xác định rõ con dao bị cáo gây án lấy trên bàn hay móc từ trong túi áo khoác ra;

3. Không áp dụng giảm nhẹ hình phạt đối với G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh:*

+ Đơn kháng cáo của người bị hại làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục chung.

+ Về kháng cáo của bị hại: Bản án sơ thẩm xác định bị cáo dùng dao đâm anh Đức A gây thương tích với tỷ lệ 12%, áp dụng các điểm a, m, khoản 1, khoản 2 Điều 134, điểm h, khoản 1 Điều 52, điểm p, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo:*

+ Luật sư không đồng ý tội danh giết người mà bị hại đã nêu, vì bị cáo G không có động cơ, mục đích giết bị hại Hồ Đức A; bị cáo chỉ đâm một nhát rồi bỏ chạy nên không thể cho là hành vi giết người. Về việc con dao bị cáo dùng gây án thì giữa bị cáo và bị hại đều khai mâu thuẫn nhau. Tuy nhiên bị cáo bị bệnh tâm thần, trí nhớ không minh mẫn, trong khi không có người làm chứng

trực tiếp nhìn thấy bị cáo lấy con dao từ túi áo khoác của bị cáo. Vì vậy cần áp dụng quy định có lợi cho bị cáo, bác lời khai của bị hại. Về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, vì bị cáo gây thương tích chỉ 10%, còn 2% thương tích là do Bác sỹ mổ cứu người, không có quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy không thể cộng 2% thương tích vết mổ của Bác sỹ vào cho bị cáo chịu trách nhiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về xác định tư cách tố tụng của ông N, bà Bảy (cha mẹ của bị cáo): Căn cứ Điều 23, Điều 46 Bộ luật dân sự năm 2015, bị cáo G thuộc trường hợp có khó khăn trong nhận thức, và làm chủ hành vi. Do đó cha mẹ là người giám hộ cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý để cha mẹ bị cáo làm giám hộ do vậy xác định ông Đặng Văn N, bà Nguyễn Thị T1 là người giám hộ cho bị cáo Đặng Trường G.

[2] Xét kháng cáo của người bị hại:

[2.1] Về việc xem xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố X4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Riêng người bị hại và người đại diện theo ủy quyền của người bị hại cho rằng Cơ quan điều tra đã vi phạm thời hạn điều tra, quá trình điều tra không đưa người đại diện hợp pháp của bị cáo vào tham gia tố tụng. Qua xem xét hồ sơ nhận thấy Cơ quan điều tra đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục; thời hạn điều tra vụ án kéo dài là do yếu tố khách quan; quá trình lấy lời khai cũng như hỏi cung bị cáo, đối chất giữa bị cáo với

người bị hại có mặt luật sư bào chữa theo luật định cho bị cáo tham gia, bị cáo G bị hạn chế năng lực hành vi, theo Luật tố tụng không bắt buộc phải có người đại diện hợp pháp của bị cáo mặt, việc phô tô, sao chụp hồ sơ; Do đó, nhận thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2.2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đặng Trường G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Thể hiện, giữa bị cáo và anh Hồ Đức A không quen biết và không mâu thuẫn với nhau, trong lúc đi tìm chị H3, bị cáo thấy anh T4 và đã dùng tay trái tát vào mặt anh T4. Lúc này anh Đức A đang ngồi ở bàn cạnh đó nhìn, bị cáo cho rằng bị hại nhìn mình với thái độ không tốt nên bị cáo đã đến chỗ anh Đức A đứng đối diện đâm một nhát trúng vào ngực trái của bị hại. Hậu quả anh Đức A bị thương tật với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12% tạm thời, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đặng Trường G tội danh “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội. Bị hại cho rằng G có chủ đích giết người là không có cơ sở, vì giữa bị hại và bị cáo không có mâu thuẫn từ trước, bị cáo chỉ bộc phát hành vi và dùng dao tấn công bị hại, theo Kết luận giám định “vết thương ngực trái (mặt trước vai trái) kích thước 1,5cm, thấu ngực tràn khí tràn máu màng phổi trái, tụ máu thành ngực trước bên trái”. Do đó không thể quy kết bị cáo có hành vi giết người chưa đạt như kháng cáo của bị hại.

Hung khí gây án được xác định là con dao màu đen dài khoảng 20cm, lưỡi bằng sắt dài khoảng 12cm, rộng khoảng 02cm, mũi nhọn. Sau khi gây án, bị cáo đã vứt con dao nên không thu hồi được.

[2.3] Về việc bị hại không đồng ý áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Việc xác định tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, được quy định tại Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 đó là: tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả (Điểm b); người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức (Điểm p); thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (Điểm s) để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Vì bị cáo G cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường để khắc phục một phần hậu quả; sau khi bị bắt bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; Hồ sơ thể hiện bị cáo nhiều lần vào bệnh viện điều trị bệnh tâm thần, Viện pháp y tâm thần

Trung ương X4 kết luận (số 496/KL-VPYTW ngày 05/12/2016) đối với bị cáo như sau: Về y học: “*Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay*: Đang sự Rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8-ICD. 10); Về pháp luật: *Tại thời điểm gây án và hiện nay*: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Ngoài tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm cũng áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo G đó là “Tái phạm”, được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để tuyên phạt bị cáo Đặng Trường G mức án 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Kháng cáo của bị hại không có cơ sở nên không được xem xét chấp nhận.

[3] Xét ý kiến bào chữa của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo:

- Về hành vi phạm tội, con dao mà bị cáo dùng để gây án đã được Hội đồng xét xử nhận định ở trên nên không nhắc lại.

- Về việc bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, vì bị cáo gây thương tích chỉ 10%, còn 2% thương tích là do Bác sỹ mổ cứu người, không có quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội của bị cáo.

Căn cứ Điểm b, Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 thì hành vi của bị cáo được áp dụng theo Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của bị cáo gây tổn thương cơ thể cho bị hại được giám định với tỷ lệ 12%, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng pháp luật. Ý kiến bào chữa của Luật sư không có cơ sở nên không được xem xét chấp nhận.

[4] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Hồ Đức A, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2018/HSST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X4.

2. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Áp dụng điểm a, m khoản 1, khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s, khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Đặng Trường G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù của bản án số 128/2018/HS-ST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X4, buộc bị cáo G phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/9/2017 nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 06/6/2016 đến ngày 04/10/2016.

3. Về án phí:

Người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP.X4 (2);
- VKSND TP.X4;
- Công an TP.X4;
- Chi cục THADS TP.X4;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Kim Rết